

Bản án số: 18/2025/HS-ST
Ngày: 20 - 01- 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thành Viên.
- Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thục Đoan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 12 năm 2024 và 20 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 289/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 390/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Gia K, sinh năm: 1993, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số E đường P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Việt T (chết) và bà Nguyễn Thị Kim P; Chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày: 10/11/2023; (Có mặt).

2. Phan Nguyễn Duy T1, sinh năm: 1997, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số I Đ, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nhân viên giao hàng; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn P1 và bà Nguyễn Thanh T2; Có vợ tên: Nguyễn Thị Bảo N và 02 (hai) con lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019; nhân thân: Ngày 03/12/2015, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xử phạt 03 năm tù giam về tội “Cướp giật tài sản”, ngày 28/8/2017 chấp hành xong hình phạt tù; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày: 10/11/2023; (Có mặt).

3. Nguyễn Đăng Huỳnh P2, sinh năm: 2004, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A đường P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng H và bà Bùi Thị T3; Chưa có vợ con; nhân thân: Ngày 09/4/2021, Công an quận G ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày: 10/11/2023; (Có mặt).

4. Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm: 1996, tại: tỉnh Trà Vinh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số F, Khóm C, Phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phước H1 và bà Hồng Thị Bảo T4; Chưa có **chồng con**; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày: 10/11/2023; (Có mặt).

5. Đinh Trọng K1, sinh năm: 2005, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: Khu phố L, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Trọng L và bà Quách Mỹ A; Chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày: 10/11/2023; (Có mặt).

6. Trương Đức T5, sinh năm: 2004, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A đường P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T6 và bà Trần Thị H2; Chưa có vợ con; tiền án: không; **tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 09/4/2021**, Công an quận G ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày: 10/11/2023; (Có mặt).

7. Quảng Thanh T7, sinh năm: 2005, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số C đường L, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quảng S và bà Nguyễn Thị T8; Chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày: 10/11/2023; (Có mặt).

Bị hại: Ông Phạm Thành G, sinh năm 2006; HKTT: B2/19A Ấp B, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: B9/12A Ấp B, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Minh T9, sinh năm: 1983; địa chỉ: 1 C, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

2. Ông Trần Xuân V, sinh năm 1999; HKTT: M, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; nơi ở: B L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; (Có mặt).

3. Bà Nguyễn Ngọc Tú Q, sinh năm 1997; HKTT: 2 L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 2 B, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Có mặt).

4. Ông Võ Ngọc T10, sinh năm 2005; HKTT: 1 L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 40 L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Ngọc Thủy T11, sinh năm 2003; HKTT: 2 L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 2 B, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Có mặt).

6. Ông Ngô Văn T12, sinh năm 1992; tạm trú: 2 B, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Có mặt).

7. Ông Phan Tiến D, sinh năm 2003; Căn hộ 9.25, Tầng A, Chung cư B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

8. Bà Quách Mỹ A, sinh năm 1978; HKTT: A T, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; (Có mặt).

9. Bà Nguyễn Thị Bảo N, sinh năm 1995; HKTT: 125/101/5 Đ, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

10. Ông Nguyễn Trọng N2, sinh năm 2004; HKTT: 2 L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 2 B, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

11. Ông Nguyễn Duy K2, sinh năm 1997; HKTT: Tổ dân phố D, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: A N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Hồng N1 là bạn gái của Hoàng Gia K (X), phát hiện K (Xin) có quan hệ tình cảm và nợ tiền của Nguyễn Ngọc Tú Q. **Hồng Ngọc** ghen và nhắn tin qua lại với Q, rồi xảy ra mâu thuẫn cãi nhau thông qua mạng xã hội. N1 và Q hẹn gặp nhau lúc 22 giờ ngày 07/11/2023, để nói chuyện giải quyết mâu thuẫn tại bãi đất trống gần trường Trung học cơ sở H6, đường số E, Phường A, quận G, Thành phố H. N1 kể cho K (X) nghe về việc hẹn nói chuyện với Q, K (X) nghĩ Q **sẽ** kêu thêm người và có thể xảy ra đánh nhau, nên K (X) đồng ý cùng đi để giúp N1 giải quyết mâu thuẫn. K (Xin) rủ thêm Phan Nguyễn Duy T1, Đinh Trọng K1, Nguyễn Đăng Huỳnh P2 và Trương Đức T5 cùng đi, cả nhóm đều hiểu việc giải quyết mâu thuẫn là đi đánh nhau. K1 (Xin) chuẩn bị sẵn 01 khẩu súng bắn đạn cao su và cất giấu trong người.

Khoảng 22 giờ ngày 07/11/2023, Nguyễn Ngọc Tú Q cùng Nguyễn Ngọc Thủy T11 (em ruột Q), Nguyễn Trọng N2 (em ruột Q), Ngô Văn T12 (anh rể của Q) và các bạn là: Phạm Thành G, Võ Ngọc T10 và Phan Tiến D ngồi nhậu

tại quán B, địa chỉ: số H, đường số E, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Q không nói với cả nhóm về việc sẽ gặp N1 để nói chuyện giải quyết mâu thuẫn.

Đến khoảng 00 giờ 50 ngày 08/11/2023, K1 (X) chạy xe gắn máy chở N1 đến điểm hẹn tại bãi đất trống gần trường H6, đường số E, Phường A, quận G; gặp Trọng Kiệt cũng chạy xe gắn máy biển số 50Y1 - 157.06 một mình; T5 chạy xe gắn máy biển số 59VA - 082.92 chở P2; còn T1 thuê xe Grap đến. Ngoài ra trên đường đến điểm hẹn, T5 và P2 gặp T13 (chưa rõ lai lịch) chở Quảng Thanh T7, các bạn nói chuyện về việc sẽ đi đánh nhau; T13 và T7 đồng ý tham gia và chạy xe theo đến điểm hẹn cùng cả nhóm. Tại đây, có 01 đôi tượng (không rõ lai lịch) mang tới cho cả nhóm 01 túi vải (dạng túi đựng cần câu) gồm 01 cây rựa, 02 cây dao tự chế. P2 và T7 mở ra thấy trong túi đựng dao, nên mang theo chuẩn bị làm hung khí nếu xảy ra đánh nhau. Khi N1 gọi điện thoại cho Q thì Q không đồng ý gặp tại địa điểm trên, mà nói đang ngồi tại địa điểm quán B, địa chỉ: số H đường số E, Phường A, quận G, nên cả nhóm chạy xe đến chỗ Q. Lúc này, T5 và Trọng K1 đổi xe cho nhau; nên Trọng K1 chạy xe gắn máy biển số biển số 59VA - 082.92 chở T1; T5 chạy xe gắn máy biển số 50Y1 - 157.06 chở P2, P2 cầm theo hai con dao trên tay; T13 chở T7, T7 cầm cây rựa trên tay, tất cả chạy theo xe của K1 (Xin) chở N1 đến điểm hẹn.

Khi đến đây, cả nhóm thấy Q và T11 đang đứng ở lề đường đối diện quán B nên dừng xe. Đồng thời, có 02 đôi tượng nữ (không rõ lai lịch) cũng chạy xe đến và dừng gần đó. Cả nhóm dừng xe xung quanh, K1 (X), T1 xuống xe, đứng gần để N1 cùng Q đứng nói chuyện với nhau. Lúc này, K1 (X) lấy trong người ra khẩu súng dạng R đem theo, đưa cho T1 cất giữ. Trong lúc nói chuyện, N1 và Q xảy ra cự cãi thì N1 xông đến dùng tay đánh Q, nên cả hai xảy ra xô xát đánh nhau. Cùng lúc này, có 02 đôi tượng nữ cũng xông vào đánh Q làm Q té ngã sấp xuống đất rồi 01 trong 02 đôi tượng nữ dùng chân đạp vào đầu Q.

Do thấy Q bị đánh, nên nhóm bạn của Q đang ngồi phía đối diện tại lề đường trước quán B đứng dậy nhìn qua. Khi thấy nhóm bạn của Q đứng dậy, K1 (X) và T1 đi bộ đến bàn của nhóm bạn Q. G đứng lên hỏi vì sao đánh phụ nữ, thì bị T1 dùng tay đánh 01 cái trúng mặt. Giã định cầm ly thủy tinh đánh trả nhưng chưa đánh được, thì T1 giờ khẩu súng (công cụ hỗ trợ) trên tay và bắn 01 phát không chủ đích về phía nhóm của Q không trúng ai; nghe tiếng súng cả nhóm hoảng sợ và bỏ chạy. T1 tiếp tục bắn 01 phát không chủ đích về phía nhóm của Q trúng vào tai trái của N2 gây thương tích. T1 tiếp tục giờ súng về nhóm của Q thì thấy D té ngã nằm ngửa dưới đất; T1 không bắn nữa và xông đến dùng chân đạp vào người D và cầm 01 ly thủy tinh trên bàn ném về phía D nhưng D đỡ được. Khi thấy T1 bắn súng, P2 (cầm 02 con dao tự chế), T7 (cầm cây rựa) xuống xe cùng xông đến chỗ nhóm của Q; K1 (Xin) giật lấy cây rựa trên tay của T7 rồi cầm trên tay, xông đến đuổi nhóm bạn của Q và đập 01 nhát trúng vào bàn sắt rồi đi ra ngoài. Cả nhóm của Q bỏ chạy trốn. K1 (Xin) cầm theo cây rựa quay về lề đường đối diện thì N1 và Q không tiếp tục đánh nhau nữa mà đứng cự cãi. K1 (X) để cây rựa ở chỗ để chân của xe máy thì N1 cầm lấy cây rựa và giờ về phía Q để hù dọa; K1 (Xin) can ngăn và giật lại cây rựa. P2 cầm 02 cây

dao tự chế đuổi theo T10 và G theo đường nhỏ bên hông quán. Giã nhìn thấy P2 cầm theo 02 con dao tự chế đuổi theo T10 đang đứng ở cuối quán **mà** không có chỗ chạy tiếp nên đã xông đến đập ly thủy tinh đang cầm trên tay **và chĩa** về phía P2 mục đích để giải cứu T10. P2 đưa tay trái đang cầm 01 con dao lên đỡ và lưỡi dao trúng vào bàn tay của G gây thương tích. P2 tiếp tục chém bằng tay trái và trúng vào vùng cổ bên phải của G gây thương tích. Sau đó, P2 quay người chạy ra ngoài. Sau khi ra ngoài, P2 lên xe của T5; T1 lên xe của K1; T7 lên xe của Thiện định tẩu thoát. **Nhưng** thấy T11 cầm điện thoại thì cả nhóm nghĩ T11 đang quay phim nên T1 cầm súng, P2 cầm 02 cây dao tự chế cùng xuống xe tiếp tục hù dọa T11, rồi cả nhóm tẩu thoát. Khi tẩu thoát, P2 đã vứt bỏ dao tự chế tại cầu T và K1 (X) vứt bỏ cây rựa tại cầu C nên không thu hồi được.

Tại Công văn số 1513/UBND ngày 10/11/2023 của Ủy ban nhân dân Phường A1, quận G nhận định: vụ việc đánh nhau xảy ra tại địa chỉ: số H đường số E, Phường A, quận G là hành vi rất nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

Kết luận giám định số 12655/KL-KTHS ngày 27/11/2023 của Phòng PC09- Công an T14 kết luận: Khẩu súng ngắn gửi giám định ký hiệu A1 là loại súng sử dụng đạn công cụ hỗ trợ cỡ 10,5mm, số súng nguyên thủy 006931, súng còn sử dụng được, thuộc nhóm công cụ hỗ trợ, 02 viên đạn thuộc nhóm công cụ hỗ trợ.

Kết luận giám định số 106/KLTTCT-TTPY.2024 ngày 21/3/2024 của Trung tâm pháp y - Sở y tế Thành phố H: Xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Trọng N2 tại thời điểm giám định là 03% (Ba phần trăm). **Hỏa khí gây ra thương tích trên.** Vết thương trên không gây nguy hiểm đến tính mạng của đương sự.”

Kết luận giám định số 114/KLTTCT-TTPY.2024 ngày 26/3/2024 của Trung tâm pháp y - Sở y tế Thành phố H: Xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Thành G tại thời điểm giám định là 19% (Mười chín phần trăm). Vết thương trên không gây nguy hiểm đến tính mạng của đương sự.

Sau khi tẩu thoát, do sợ bị phát hiện, khoảng 03 giờ ngày 08/11/2023 K1 (Xin) rủ cả nhóm cùng nhau bỏ trốn sang Campuchia; cả nhóm đồng ý (Trừ Thiện do không biết nhân thân lai lịch). T1 kêu vợ là Nguyễn Thị Bảo N sắp xếp đồ đạc để đi chơi, nên Bảo N đồng ý đi cùng T1. K1 (X) kêu T5 thuê xe ô tô, chở cả nhóm về Long An để bỏ trốn sang Campuchia. T5 liên lạc thuê 01 xe ô tô hiệu Kia Carnival, biển số 51K – 768.51 do anh Trần Xuân V là tài xế; chở cả nhóm về Cửa khẩu T15, thuộc huyện Đ, tỉnh Long An. **Nhưng** do Bảo N không có Căn cước công dân, nên cả nhóm không sang Campuchia được và thuê Nhà nghỉ T16, địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An để nghỉ ngơi. Đến 16 giờ cùng ngày, Công an quận G phối hợp **với** Đoàn Biên phòng cửa khẩu M và Công an xã M, huyện Đ, tỉnh Long An kiểm tra **và** mời K1 (Xin), Trọng K1, T5, P2, T7, Hồng N1, Bảo N **về trụ sở** làm việc.

Quá trình kiểm tra, **tại** phòng ở số G, 8, 10 nhà nghỉ T16; Cơ quan chức năng thu giữ 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng của Phan Nguyễn Duy T1 và

01 gói nylon chứa chất bột màu trắng, 01 chai nước màu cam của Hoàng Gia K. Cả hai đều khai nhận là ma túy K3 và ma túy nước vui mục đích tàng trữ để sử dụng.

Đối với số ma túy thu giữ của Phan Nguyễn Duy T1, do T1 mua của một người đàn ông không rõ lai lịch tại Bến xe A vào ngày 06/11/2023 với giá 1.900.000 đồng, là loại ma túy Ketamine để sử dụng. Khi về nhà, T1 cất giấu gói ma túy này trong túi quần phía trước bên phải, do quên nên T1 để chiếc quần này trong rổ đựng quần áo mà không lấy gói ma túy ra. Đến rạng sáng ngày 08/11/2023, T1 về nhà để lấy quần áo và rủ thêm bạn gái là Nguyễn Thị Bảo N cùng đi. Trong lúc lấy đồ, T1 lấy luôn chiếc quần (đang cất giấu ma túy) trong rổ đựng quần áo và đem theo. Khi vào phòng thuê, T1 kiểm tra túi quần của mình thì phát hiện gói ma túy đã mua vào ngày 06/11/2023. Do sợ Bảo N biết nên T1 cất giấu gói ma túy này vào vỏ hộp cơm đã ăn, đóng nắp lại; T1 để hộp cơm này trên bàn và nói với Bảo N khi ăn xong thì bỏ vỏ hộp cơm giùm. Đến khoảng 16 giờ 00 cùng ngày, Công an quận G đến kiểm tra, mời cả nhóm về làm việc thì phát hiện và tạm giữ gói ma túy tại phòng của T1.

Vật chứng là ma túy thu giữ của Phan Nguyễn Duy T1 được giám định tại Kết luận giám định số: 12692/KL-KTHS ngày 17/11/2023 của Phòng PC09 Công an Thành phố T14 đối với số ma túy thu giữ của Phan Nguyễn Duy T1.

Đối với gói ma túy thu giữ của Hoàng Gia K, do K mua của một người đàn ông không rõ lai lịch tại khu vực Bến xe A vào ngày 07/11/2023. Loại ma túy K (X) hỏi mua là Ketamine với giá 1.900.000 đồng. Người này đưa cho K (Xin) 02 (hai) gói ma túy, gồm: 01 (một) gói nylon chứa ma túy dạng tinh thể trong suốt (là ma túy K4) và 01 (một) gói nylon trong suốt chứa ma túy dạng bột màu cam (là ma túy nước vui). Khi về đến nhà, K (X) hòa tan gói ma túy dạng chất bột màu cam vào 01 chai nước ngọt, hiệu “Monter” nên nước ngọt chuyển từ màu trắng sang màu cam. Kiệt (X) tiếp tục đổ nước ngọt đã pha ma túy này vào 01 chai nhựa trong suốt rồi cất giấu tại nhà. Đối với gói ma túy còn lại, K (Xin) cất giấu vào trong 01 bao thuốc lá hiệu Jet. Rạng sáng ngày 08/11/2023, K về nhà lấy quần áo để bỏ trốn thì lấy theo chai nước (chứa ma túy) và bao thuốc lá hiệu Jet (cất giấu ma túy) nêu trên mang theo. Sau đó, cả nhóm thuê xe đến Cửa khẩu T15, thuộc huyện Đ, tỉnh Long An. Do chưa qua được biên giới được nên đến thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ T16. Khi đến nhà nghỉ, K (X) đưa bao thuốc lá hiệu Jet (có ma túy) cho Đình Trọng K1 và nhờ Trọng K1 cầm giúp để lấy đồ xuống xe, nhưng sau đó K1 (X) quên lấy lại, còn chai nước (chứa ma túy) thì vẫn để trong túi đựng quần áo của K1. Sau khi lấy phòng thì Trọng K1 đem bao thuốc lá hiệu Jet của K1 (X) về phòng thuê số 10, không mở ra xem mà để tại đầu giường ngủ của mình. Đến khoảng 16 giờ 00 cùng ngày, Công an quận G đến kiểm tra, mời cả nhóm về làm việc thì phát hiện và tạm giữ chai nước (chứa ma túy) tại phòng của K1 (Xin) (Phòng số 7) và tạm giữ bao thuốc lá hiệu Jet (cất giấu ma túy) tại phòng của Trọng K1 (Phòng số 10).

Vật chứng ma túy thu giữ của Hoàng Gia K đã được giám định tại Kết luận giám định số 12691/KL-KTHS ngày 17/11/2023 của Phòng PC09, Công an

T14; Kết luận giám định số: 12690/KL-KTHS ngày 17/11/2023 của Phòng PC09, Công an T14 và Kết luận giám định số 3900/KL- KTHS ngày 09/7/2024 Phân Viện Khoa học hình sự Bộ C tại thành phố Hồ Chí Minh.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) USB, lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 (một) khẩu súng ngắn có chữ MIT-YSR.007.S.10mm; 02 (hai) viên đạn (không có ký hiệu); 02 (hai) vỏ đạn (không có ký hiệu); 01 (một) đầu đạn bằng cao su (do bác sĩ Khoa Tai Mũi H3 – Bệnh viện A2 thu thập tại vết thương vùng trước tai – vành tai trái của Nguyễn Trọng N2 và giao nộp). Cơ quan CSĐT Công an quận G đã Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức bàn giao cho Đội Cảnh sát quản lý hành chính Công an quận G để xử lý theo quy định.

- 01 xe ô tô hiệu Kia Carnival, biển số 51K – 768.51. Qua xác minh, xe ô tô trên do ông Phạm Minh T9 đứng tên chủ sở hữu. Do ít nhu cầu sử dụng, anh T9 thỏa thuận cho Công ty T17 thuê để chở khách. Sau khi T5 liên hệ thuê xe đi trốn thì ông Trần Xuân V (tài xế của Công ty T17) được phân công chở khách đi Long An. Việc cả nhóm K bỏ trốn ông V, ông T9 không biết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận G đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả xe biển số 51K - 768.51 cho anh Phạm Minh T9.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 ProMax, số imei: 354245332968935; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 ProMax; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 ProMax, số imei: 352845110098540; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 ProMax, số imei: 356703854897500; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 ProMax, số imei: 359702375572110; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 ProMax, số imei: 357447883732424.

- Các điện thoại trên thu giữ của Trần Xuân V, Nguyễn Ngọc Tú Q, Võ Ngọc T10, Nguyễn Ngọc Thủy T11, Ngô Văn T12 và Phan Tiến D. Quá trình xác minh, điện thoại không có nội dung trao đổi về việc đánh nhau, không bàn bạc về việc chuẩn bị hung khí hay bàn bạc về việc giải quyết mâu thuẫn đánh nhau, cũng không có nội dung vi phạm pháp luật nào khác. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận G đã ra hình thức trao trả điện thoại cho chủ sở hữu.

- 01 (một) chiếc xe gắn máy, biển số 59VA – 082.92, số máy: 1S9A-013058, số khung: RLCE1S9A0BY013052. Qua xác minh, xe do Trương Đức T5 đứng tên chủ sở hữu. Ngày 08/11/2023, T5 sử dụng xe gắn máy nêu trên, chở Nguyễn Đăng Huỳnh P2 đến trước địa chỉ: 8 đường số E, Phường A, quận G tham gia đánh nhau, gây rối trật tự công cộng.

- 01 (một) chiếc xe gắn máy, biển số 50Y1 - 157.06, số máy: 1S94-011129, số máy: RLCE1S9407Y011129 thu của Đinh Trọng K1. Qua xác minh, xe do bà Quách Mỹ A đứng tên chủ sở hữu. Ngày 07/11/2023, bà Mỹ A cho con ruột là Đinh Trọng K1 mượn xe gắn máy nêu trên để đi chơi. Sau đó, K1 sử dụng xe chở Phan Nguyễn Duy T1, đến trước địa chỉ: 8 đường số E, phường A, quận G tham gia đánh nhau, gây rối trật tự công cộng nhưng bà Mỹ A hoàn toàn không biết.

- 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 13 Pro Max, số imei: 358612417904414 thu của Phan Nguyễn Duy T1.

- 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 13 Pro Max, số imei: 358406643403592 thu của Q T7.

- 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 13 Pro Max, số imei: 355782153615731 thu của Đinh Trọng K1.

- 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 12 Pro Max, số imei: 356715113854429; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 13 Pro Max, số imei: 359978122610409 và thu của Hoàng Gia K.

- 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 12 Pro Max, số imei: 356789280290436 thu của Nguyễn Thị Bảo N.

- 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 14 Pro Max, số imei: 351651529260130; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 (khóa mật khẩu, không kiểm tra được tình trạng bên trong) thu của Nguyễn Thị Hồng N1.

- 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 11 Pro Max, số imei: 353888106964688 thu của Nguyễn Đăng Huỳnh P2.

- 01 (một) điện thoại hiệu Iphone Xs Max, số imei: 357309094949439 thu của Trương Đức T5.

- 01 (một) gói niêm phong, có chữ ký ghi tên Hoàng Gia K và hình dấu Đồn Biên phòng cửa khẩu M, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh L (sau giám định số 12690, có chữ ký của Giám định viên Lê Thị H4 và Điều tra viên Đinh Hồng S1).

- 01 (một) gói niêm phong, có chữ ký ghi tên Đinh Trọng K1 và hình dấu Đồn Biên phòng cửa khẩu M, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh L (sau giám định số 12691, có chữ ký của Giám định viên Lê Thị H4 và Điều tra viên Đinh Hồng S1).

- 01 (một) gói niêm phong, có chữ ký ghi tên Phan Nguyễn Duy T1 và hình dấu Đồn Biên phòng cửa khẩu M, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh L (sau giám định số 12692, có chữ ký của Giám định viên Lê Thị H4 và Điều tra viên Đinh Hồng S1).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã nhập kho theo Phiếu nhập kho vật chứng số 38/PNK ngày 23/02/2024 và Phiếu nhập kho vật chứng số 265/PNK ngày 18/10/2024.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Phạm Thành G đã nhận tiền bồi thường của Hoàng Gia K và đồng phạm, có đơn bãi nại, không yêu cầu xử lý hình sự đối với Nguyễn Đăng Huỳnh P2 cùng đồng phạm về hành vi gây thương tích cho G vào ngày 08/11/2023, không có yêu cầu gì khác.

Ngày 27/8/2024, Nguyễn Trọng N2 đã nhận tiền bồi thường của Hoàng Gia K và đồng phạm, có đơn rút yêu cầu xử lý hình sự đối với Hoàng Gia K cùng đồng bọn về hành vi gây thương tích cho N2 vào ngày 08/11/2023.

Đối với số tiền bồi thường thiệt hại cho các bị hại. Ông Nguyễn Duy K2 là bạn của K (X) đã bồi thường thay cho cả nhóm K và đồng phạm. Ông K2 không yêu trả lại tiền.

Ông Phạm Ngọc H5 là chủ quán B, địa chỉ: số H đường số E, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: sau sự việc đánh nhau có bị bể 1 vài cái ly, chén nhưng thiệt hại không đáng kể, không yêu cầu xử lý hình sự các đối tượng về hành vi “Huỷ hoại tài sản”.

Đối với Nguyễn Ngọc Tú Q, Nguyễn Ngọc Thủy T11, Võ Ngọc T10, Phan Tiến D, Ngô Văn T12, Nguyễn Trọng N2 và Phạm Thành G. Các đối tượng ngồi nhậu cùng nhau tại số H đường số E, Phường A, quận G; nhưng Q không nói cho cả nhóm về mâu thuẫn giữa Q và N1, không bàn bạc trước việc đánh nhau và không chuẩn bị hung khí. Khi N1 đến gặp Q thì cả hai đứng cùng T11 ở lề đường đối diện quán nói chuyện, rồi xảy ra mâu thuẫn N1 và Q xô xát với nhau. Q bị N1 và 02 đối tượng nữ không rõ nhân thân đánh. Khi thấy Q bị đánh thì cả nhóm chỉ đứng lên tại bàn nhậu, không tham gia đánh nhau. Sau đó thì bị nhóm của K (Xin) xông đến, sử dụng hung khí tấn công và cả nhóm bỏ chạy, trong đó có Nghĩa, G đều bị thương tích. Khi thấy T10 bị P2 cầm 02 con dao tự chế đuổi vào đường cuối của bếp nên G cầm lấy cái ly ném vào P2 để giải cứu cho T10. Đây là hành động tự vệ. Do đó, chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với Nguyễn Ngọc Tú Q, Nguyễn Ngọc Thủy T11, Võ Ngọc T10, Phan Tiến D, Ngô Văn T12, Nguyễn Trọng N2 và Phạm Thành G về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

Đối với Nguyễn Thị Bảo N (là bạn gái Phan Nguyễn Duy T1) được T1 rủ đi chơi nên đồng ý đi cùng. Bảo N không biết việc T1 tham gia đánh nhau và bỏ trốn, không biết T1 tàng trữ trái phép chất ma túy nên không đủ căn cứ xử lý hình sự.

Đối với ông Trần Xuân V, được thuê chở cả nhóm đi đến Cửa khẩu T15, thuộc huyện Đ, tỉnh Long An nhưng không biết việc cả nhóm tham gia đánh nhau và bỏ trốn. Do đó, không đủ căn cứ xác định vai trò đồng phạm của V trong vụ án và không đủ căn cứ xử lý hình sự.

Đối với T13 và 02 đối tượng nữ tham gia tấn công Quỳnh. Hiện nay không xác định được lai lịch, không ghi được lời khai xác định hành vi phạm tội, do đó không đủ căn cứ xử lý hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G tiếp tục xác minh làm rõ, khi xác định được sẽ xử lý theo quy định.

Đối với Phan Tiến D, sau khi bị T1 dùng chân đá trúng người chỉ bị xây xát nhẹ, tự điều trị vết thương, có đơn không yêu cầu giám định thương tích, không yêu cầu xử lý hình sự. Do đó, không có căn cứ xử lý T1 về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Đối với Đinh Trọng K1 được Hoàng Gia K gửi cất giữ giùm 01 gói thuốc lá, bên trong có cất giấu ma túy. Trọng Kiệt đồng ý giữ giùm nhưng không mở ra xem và không biết bên trong có chứa chất ma túy. **Do đó**, không đủ căn cứ xử lý về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đối với 02 đối tượng đã bán ma túy cho Hoàng Gia K và Phan Nguyễn Duy T1. Hiện nay không xác định được lai lịch và nơi cư trú, không ghi được lời khai xác định hành vi phạm tội. Do đó, không đủ căn cứ để xử lý hình sự về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy.

Đối với hành vi tàng trữ, sử dụng công cụ hỗ trợ của Hoàng Gia K và Phan Nguyễn Duy T1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã chuyển hồ sơ đến Đội Cảnh sát quản lý hành chính để lập hồ sơ xử phạt hành chính theo quy định.

Đối với hành vi “Cố ý gây thương tích” của Hoàng Gia K và Phan Nguyễn Duy T1. Do bị hại rút yêu cầu xử lý hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển một phần hồ sơ đến Công an P3, quận G để xử phạt **vi phạm** hành chính theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 329/CT-VKS-GV ngày 18/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Hoàng Gia K, Phan Nguyễn Duy T1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 318 và điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nguyễn Đăng Huỳnh P2 về tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Cố ý gây thương tích” theo điểm b khoản 2 Điều 318 và khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nguyễn Thị Hồng N1, Đinh Trọng K1, Trương Đức T5, Q T7 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát sau khi luận tội và đưa ra quan điểm xét xử đã đề nghị:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Hoàng Gia K từ 2 năm 6 tháng đến 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Hoàng Gia K phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội danh từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Phan Nguyễn Duy T1 từ 2 năm 6 tháng đến 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phan

Nguyễn Duy T1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội danh từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1, khoản 3 Điều 54; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Huỳnh P2 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Đăng Huỳnh P2 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội danh từ 04 năm đến **05 năm tù**.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng N1 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

- Xử phạt bị cáo Đinh Trọng K1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Trương Đức T5 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Quảng Thanh T7 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 1, điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

- Tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án: 01 (một) USB ghi nhận sự việc phạm tội.

- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe gắn máy, biển số 59VA – 082.92, số máy: 1S9A- 013058, số khung: RLCE1S9A0BY013052.

- Trả lại cho bị cáo Phan Nguyễn Duy T1 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 13 Pro Max, số imei: 358612417904414;

- Trả lại cho bị cáo Quảng Thanh T (một) điện thoại hiệu Iphone 13 Pro Max, số imei: 358406643403592.

- Trả lại cho bị cáo Đinh Trọng K1 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 13 Pro Max, số imei: 355782153615731.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Gia K 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 12 Pro Max, số imei: 356715113854429 và 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 13 Pro Max, số imei: 359978122610409.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng N1 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 14 Pro Max, số imei: 351651529260130 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 (khóa mật khẩu, không kiểm tra được tình trạng bên trong).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đăng Huỳnh P2 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 11 Pro Max, số imei: 353888106964688.

- Trả lại cho bị cáo Trương Đức T5 01 (một) điện thoại hiệu Iphone Xs Max, số imei: 357309094949439.

- Trả lại cho bà Quách Mỹ A: 01 (một) chiếc xe gắn máy, biển số 50Y1 - 157.06, số máy: 1S94-011129, số **khung**: RLCE1S9407Y011129.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Bảo N: 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 12 Pro Max, số imei: 356789280290436.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong, có chữ ký ghi tên Hoàng Gia K và hình dấu Đồn Biên phòng cửa khẩu M, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh L (sau giám định số 12690, có chữ ký của Giám định viên Lê Thị H4 và Điều tra viên Đinh Hồng S1); 01 (một) gói niêm phong, có chữ ký ghi tên Đinh Trọng K1 và hình dấu Đồn Biên phòng cửa khẩu M, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh L (sau giám định số 12691, có chữ ký của Giám định viên Lê Thị H4 và Điều tra viên Đinh Hồng S1); 01 (một) gói niêm phong, có chữ ký ghi tên Phan Nguyễn Duy T1 và hình dấu Đồn Biên phòng cửa khẩu M, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh L (sau giám định số 12692, có chữ ký của Giám định viên Lê Thị H4 và Điều tra viên Đinh Hồng S1).

Tại phiên tòa hôm nay khi nói lời sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **tại** phiên tòa: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã trình bày lời khai. **Vì** vậy căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp công bố bản cáo trạng, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Đối chiếu lời khai **của** các bị cáo hoàn toàn phù hợp với tang vật đã thu giữ, phù hợp với **Kết** luận điều tra của cơ quan Công an quận G, với **Bản** cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò

Vấp và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

Khoảng 00 giờ 50 ngày 08/11/2023, tại quán B, địa chỉ: số H đường số E, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa nơi công cộng đông người các bị cáo Hoàng Gia K, Nguyễn Thị Hồng N1, Nguyễn Đăng Huỳnh P2, Phan Nguyễn Duy T1, Đinh Trọng K1, Trương Đức T5, Quảng Thanh T7 đã thực hiện hành vi tụ tập, cầm vũ khí lưu thông trên đường, dùng vũ khí, hung khí đánh nhau, gây mất trật tự, ảnh hưởng đến trật tự chung ở nơi công cộng, gây hoang mang, lo sợ cho người dân xung quanh. Ngày 10/11/2023, Ủy ban nhân dân Phường A1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 1513/UBND đánh giá vụ việc đánh nhau, xô xát nêu trên là hành vi rất nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do các bị cáo sử dụng hung khí (dao tự chế, súng...) thực hiện hành vi phạm tội nên đây là tình tiết định khung “dùng hung khí, vũ khí” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nguyễn Đăng Huỳnh P2 ngoài hành vi gây rối trật tự công cộng như tụ tập, cầm vũ khí lưu thông trên đường, cầm 02 cây dao tự chế cùng xuống xe tiếp tục hù dọa T11; bị cáo còn có hành vi dùng dao tự chế gây thương tích cho cho bị hại là ông Phạm Thành G với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 19%. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo còn phạm thêm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Khoảng 16 giờ ngày 08/11/2023, tại nhà nghỉ T16, địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, bị cáo Hoàng Gia K đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng 9,0588g, loại ma túy Ketamine, mục đích để sử dụng cá nhân; bị cáo Phan Nguyễn Duy T1 đã có hành vi tàng trữ trái phép tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng 11,8803g, loại ma túy Ketamine, mục đích để sử dụng cá nhân. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Hoàng Gia K và Phan Nguyễn Duy T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng số 329/CT-VKS-GV ngày 18/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong vụ án gây rối trật tự công cộng: Đây là vụ án đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó các bị cáo nhất thời cùng nảy sinh ý định rủ nhau thực hiện hành vi phạm tội, không có sự phân công, phân nhiệm cụ thể. Trong đó bị cáo Hoàng Gia K là người rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo N1 là nguyên nhân khởi phát dẫn đến sự việc gây

rồi. Do đó, các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với mức độ phạm tội của mình.

Bị cáo Nguyễn Đăng Huỳnh P2, Hoàng Gia K và Phan Nguyễn Duy T1 phạm hai tội nên cần thiết áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt cho các bị cáo.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, giữa nơi công cộng các bị cáo đã thực hiện hành vi phá phách, đánh nhau, gây mất trật tự, ảnh hưởng đến trật tự chung, gây hoang mang, lo sợ cho người dân xung quanh. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến tình trạng ổn định, có tổ chức, có kỷ luật ở nơi đông người; vi phạm quy tắc, nếp sống văn minh, cản trở hoạt động lành mạnh và bình thường của những người khác ở nơi công cộng; gây mất trật tự trị an xã hội, tác động xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và tình hình trật tự, trị an tại địa phương.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Đăng Huỳnh P2 đã xâm hại đến tính mạng sức khỏe của người khác được Nhà nước và Pháp luật bảo hộ.

Hành vi của các bị cáo Hoàng Gia K và Phan Nguyễn Duy T1 đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an xã hội. Mặc dù các bị cáo nhận thức được việc tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật; bị pháp luật nghiêm cấm và nếu vi phạm sẽ bị trừng trị nghiêm khắc. **Nhưng** các bị cáo vẫn ngang nhiên tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng, bất chấp những quy định của pháp luật, bất chấp mọi hậu quả xảy ra kể cả việc trừng trị của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như qua diễn biến phiên tòa, các bị cáo đã thật thà khai báo, thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu, gia đình các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, phạm tội nhưng chưa gây ra hậu quả nghiêm trọng về tài sản theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đăng Huỳnh P2 đã tích cực nhờ gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại có đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; đồng thời qua đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm giúp cho bị cáo có điều kiện học tập cải tạo lại mình, sau này biết tôn trọng pháp luật và đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét tính chất vụ án và

hoàn cảnh của bị cáo Hoàng Gia K, Phan Nguyễn Duy T1 nên quyết định miễn phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Phạm Thành G đã nhận tiền bồi thường của Hoàng Gia K và đồng phạm. Có đơn bãi nại, không yêu cầu xử lý hình sự đối với Nguyễn Đăng Huỳnh P2 cùng đồng phạm về hành vi gây thương tích cho G vào ngày 08/11/2023, không có yêu cầu gì khác. Đối với số tiền bồi thường thiệt hại cho các bị hại, ông Nguyễn Duy K2 là bạn của K (X) đã bồi thường thay cho cả nhóm K và đồng phạm, ông K2 không yêu trả lại tiền. Hội đồng xét xử xét thấy đây là ý chí tự nguyện, không trái pháp luật nên ghi nhận.

Ông Phạm Ngọc H5 là chủ quán B, sau sự việc đánh nhau có bị bể 1 vài cái ly, chén nhưng thiệt hại không đáng kể, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) USB ghi nhận sự việc phạm tội, là chứng cứ của vụ án nên quyết định tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 (một) khẩu súng ngắn có chữ MIT-YSR.007.S.10mm; 02 (hai) viên đạn (không có ký hiệu); 02 (hai) vỏ đạn (không có ký hiệu); 01 (một) đầu đạn bằng cao su (do bác sĩ Khoa Tai Mũi H3 – Bệnh viện A2 thu thập tại vết thương vùng trước tai – vành tai trái của Nguyễn Trọng N2 và giao nộp). Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận G đã Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức bàn giao cho Đội Cảnh sát quản lý hành chính - Công an quận G để xử lý theo quy định, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 xe ô tô hiệu Kia Carnival, biển số 51K – 768.51, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận G đã trao trả xe cho chủ sở hữu là ông Phạm Minh T9; các điện thoại thu giữ của Trần Xuân V, Nguyễn Ngọc Tú Q, Võ Ngọc T10, Nguyễn Ngọc Thủy T11, Ngô Văn T12 và Phan Tiến D. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã trao trả điện thoại cho chủ sở hữu. Hội đồng xét xử xét thấy việc trả lại tài sản là đúng quy định của pháp luật nên không xem xét lại.

- Đối với 01 (một) xe gắn máy, biển số 59VA – 082.92, số máy: 1S9A-013058, số khung: RLCE1S9A0BY013052. Qua xác minh, xe do Trương Đức T5 đứng tên chủ sở hữu. Ngày 08/11/2023, T5 sử dụng xe gắn máy nêu trên, chở Nguyễn Đăng Huỳnh P2 (tay P2 cầm hai con dao) đến trước địa chỉ: 8 đường số E, Phường A, quận G tham gia đánh nhau, gây rối trật tự công cộng. Đây là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, nên quyết định tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) chiếc xe gắn máy, biển số 50Y1 - 157.06, số máy: 1S94-011129, số khung: RLCE1S9407Y011129 thu của Đinh Trọng K1. Qua xác minh, xe do bà Quách Mỹ A đứng tên chủ sở hữu. Ngày 07/11/2023, bà Mỹ A cho con ruột là Đinh Trọng K1 mượn xe gắn máy nêu trên để đi chơi. Sau đó,

K1 sử dụng xe chở Phan Nguyễn Duy T1, đến trước địa chỉ: 8 đường số E, Phường A, quận G tham gia đánh nhau, gây rối trật tự công cộng **nhưng** bà Mỹ A hoàn toàn không biết; nên Hội đồng xét xử quyết định trả lại **xe trên** cho bà Quách Mỹ A.

- Đối với 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 13 Pro Max, số imei: 358612417904414 thu của Phan Nguyễn Duy T1; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 13 Pro Max, số imei: 358406643403592 thu của Quảng Thanh T7; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 13 Pro Max, số imei: 355782153615731 thu của Đinh Trọng K1; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 12 Pro Max, số imei: 356715113854429 và 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 13 Pro Max, số imei: 359978122610409 thu của Hoàng Gia K; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 14 Pro Max, số imei: 351651529260130 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 (khóa mật khẩu, không kiểm tra được tình trạng bên trong) thu của Nguyễn Thị Hồng N1; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 11 Pro Max, số imei: 353888106964688 thu của Nguyễn Đăng Huỳnh P2; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone Xs Max, số imei: 357309094949439 thu của Trương Đức T5. Các bị cáo sử dụng các điện thoại trên để liên lạc cá nhân, khi **nhắn tin** hẹn nhau thì không phải rủ nhau thực hiện hành vi phạm tội và chỉ hẹn gặp mặt. **Xét thấy**, không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho các bị cáo.

- Đối với 01 (một) gói niêm phong, có chữ ký ghi tên Hoàng Gia K và hình dấu Đồn Biên phòng cửa khẩu M, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh L (sau giám định số 12690, có chữ ký của Giám định viên Lê Thị H4 và Điều tra viên Đinh Hồng S1); 01 (một) gói niêm phong, có chữ ký ghi tên Đinh Trọng K1 và hình dấu Đồn Biên phòng cửa khẩu M, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh L (sau giám định số 12691, có chữ ký của Giám định viên Lê Thị H4 và Điều tra viên Đinh Hồng S1); 01 (một) gói niêm phong, có chữ ký ghi tên Phan Nguyễn Duy T1 và hình dấu Đồn Biên phòng cửa khẩu M, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh L (sau giám định số 12692, có chữ ký của Giám định viên Lê Thị H4 và Điều tra viên Đinh Hồng S1). **Đây là** chất Nhà nước cấm tàng trữ, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu và tiêu hủy.

[6] Về các vấn đề khác:

Ông Phạm Ngọc H5 là chủ quán B, địa chỉ: số H đường số E, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: sau sự việc đánh nhau có bị bể 1 vài cái ly, chén nhưng thiệt hại không đáng kể, không yêu cầu xử lý hình sự các đối tượng về hành vi “Hủy hoại tài sản”. Nên không xử lý về hành vi hủy hoại tài sản là có cơ sở.

Đối với Nguyễn Ngọc Tú Q, Nguyễn Ngọc Thủy T11, Võ Ngọc T10, Phan Tiến D, Ngô Văn T12, Nguyễn Trọng N2 và Phạm Thành G. **Nhận** thấy, các đối tượng ngồi nhậu **cùng nhau** tại số H đường số E, Phường A, quận G, Q không nói cho cả nhóm **biết** về mâu thuẫn giữa Q và N1, không bàn bạc trước việc đánh nhau và không chuẩn bị hung khí. Khi N1 đến gặp Q thì cả hai đứng cùng T11 ở lề đường đối diện quán nói chuyện, rồi xảy ra mâu thuẫn; N1 và Q xô xát với nhau, Q bị N1 và 02 đối tượng nữ không rõ nhân thân đánh. Khi thấy

Q bị đánh thì cả nhóm chỉ đứng lên tại bàn nhậu, không tham gia đánh nhau. Sau đó thì bị nhóm của K1 (Xin) xông đến, sử dụng hung khí tấn công và cả nhóm bỏ chạy, trong đó có Nghĩa, G đều bị thương tích. Khi G thấy T10 bị P2 cầm 02 con dao tự chế đuổi vào đường cuối của bếp, nên G cầm lấy cái ly ném vào P2 để giải cứu cho T10, đây là hành động tự vệ. Do đó, chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với Nguyễn Ngọc Tú Q, Nguyễn Ngọc Thủy T11, Võ Ngọc T10, Phan Tiến D, Ngô Văn T12, Nguyễn Trọng N2 và Phạm Thành G về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

Đối với Nguyễn Thị Bảo N (là bạn gái Phan Nguyễn Duy T1) được T1 rủ đi chơi nên đồng ý đi cùng. Bảo N không biết việc T1 tham gia đánh nhau và bỏ trốn, không biết T1 tàng trữ trái phép chất ma túy nên không đủ căn cứ xử lý hình sự.

Đối với ông Trần Xuân V, được thuê chở cả nhóm đi đến Cửa khẩu T15, thuộc huyện Đ, tỉnh Long An, nhưng không biết việc cả nhóm tham gia đánh nhau và bỏ trốn. Do đó, không đủ căn cứ xác định vai trò đồng phạm của ông V trong vụ án và không đủ căn cứ xử lý hình sự.

Đối với T13 và 02 đối tượng nữ tham gia tấn công Quỳnh. **Hiện** nay không xác định được lai lịch, không ghi được lời khai xác định hành vi phạm tội, do đó không đủ căn cứ xử lý hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G tiếp tục xác minh làm rõ, khi xác định được sẽ xử lý theo quy định.

Đối với Phan Tiến D, sau khi bị T1 dùng chân đá trúng người chỉ bị xây xước nhẹ, tự điều trị vết thương **và** có đơn không yêu cầu giám định thương tích, không yêu cầu xử lý hình sự. Do đó, không có căn cứ xử lý T1 về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Đối với Đinh Trọng K1 được Hoàng Gia K gửi cất giữ giùm 01 gói thuốc lá, bên trong có cất giấu ma túy. Trọng Kiệt đồng ý giữ giùm nhưng không mở ra xem và không biết bên trong có chứa chất ma túy. Do đó, không đủ căn cứ xử lý về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đối với 02 đối tượng đã bán ma túy cho Hoàng Gia K và Phan Nguyễn Duy T1. Hiện nay không xác định được lai lịch và nơi cư trú, không ghi được lời khai xác định hành vi phạm tội. Do đó, không đủ căn cứ để xử lý hình sự về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Đối với hành vi tàng trữ, sử dụng công cụ hỗ trợ của Hoàng Gia K và Phan Nguyễn Duy T1. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận G đã chuyển hồ sơ đến Đội Cảnh sát quản lý hành chính, để lập hồ sơ xử phạt hành chính theo quy định.

Đối với hành vi “Cố ý gây thương tích” của Hoàng Gia K và Phan Nguyễn Duy T1. Do bị hại rút yêu cầu xử lý hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển một phần hồ sơ đến Công an P3, quận G để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Gia K, Phan Nguyễn Duy T1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Đăng Huỳnh P2 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Cố ý gây thương tích”; các bị cáo Nguyễn Thị Hồng N1, Đinh Trọng K1, Trương Đức T5, Q T7 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

[2] Về hình phạt:

[2.1] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Hoàng Gia K 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Hoàng Gia K 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Hoàng Gia K phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội danh là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/11/2023.

[2.2] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phan Nguyễn Duy T1 02 (hai) năm 03 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phan Nguyễn Duy T1 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phan Nguyễn Duy T1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội danh là 03 (ba) năm 03 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/11/2023.

[2.3] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Huỳnh P2 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Huỳnh P2 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Đăng Huỳnh P2 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội danh là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/11/2023.

[2.4] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng N1 02 (hai) năm 03 tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/11/2023.

[2.5] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đinh Trọng K1 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/11/2023.

[2.6] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trương Đức T5 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/11/2023.

[2.7] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Quảng Thanh T7 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/11/2023.

[3] Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và **điểm a, b, c khoản 1**, khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

- Tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án: 01 (một) USB ghi nhận sự việc phạm tội.
- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe gắn máy, biển số 59VA – 082.92, số máy: 1S9A- 013058, số khung: RLCE1S9A0BY013052.
- Trả lại cho bị cáo Phan Nguyễn Duy T1 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 13 Pro Max, số imei: 358612417904414;
- Trả lại cho bị cáo Quảng Thanh T (một) điện thoại hiệu Iphone 13 Pro Max, số imei: 358406643403592;
- Trả lại cho bị cáo Đinh Trọng K1 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 13 Pro Max, số imei: 355782153615731;
- Trả lại cho bị cáo Hoàng Gia K 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 12 Pro Max, số imei: 356715113854429 và 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 13 Pro Max, số imei: 359978122610409;
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng N1 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 14 Pro Max, số imei: 351651529260130 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 (khóa mật khẩu, không kiểm tra được tình trạng bên trong);
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đăng Huỳnh P2 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 11 Pro Max, số imei: 353888106964688;
- Trả lại cho bị cáo Trương Đức T5 01 (một) điện thoại hiệu Iphone Xs Max, số imei: 357309094949439;
- Trả lại cho bà Quách Mỹ A: 01 (một) chiếc xe gắn máy, biển số 50Y1 - 157.06, số máy: 1S94-011129, số khung: RLCE1S9407Y011129;
- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Bảo N: 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 12 Pro Max, số imei: 356789280290436;

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong, có chữ ký ghi tên Hoàng Gia K và hình dấu Đồn Biên phòng cửa khẩu M, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh L (sau giám định số 12690, có chữ ký của Giám định viên Lê Thị H4 và Điều tra viên Đinh Hồng S1); 01 (một) gói niêm phong, có chữ ký ghi tên Đinh Trọng K1 và hình dấu Đồn Biên phòng cửa khẩu M, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh L (sau giám định số 12691, có chữ ký của Giám định viên Lê Thị H4 và Điều tra viên Đinh Hồng S1); 01 (một) gói niêm phong, có chữ ký ghi tên Phan Nguyễn Duy T1 và hình dấu Đồn Biên phòng cửa khẩu M, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh L (sau giám định số 12692, có chữ ký của Giám định viên Lê Thị H4 và Điều tra viên Đinh Hồng S1).

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 38/PNK ngày 23/02/2024 và phiếu nhập kho vật chứng số 265/PNK ngày 18/10/2024 của Công an quận G)

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

[6] Về nghĩa vụ thi hành án:

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- Viện kiểm sát Q. Gò Vấp;
- Thi hành án Q. Gò Vấp;
- Công an Q. Gò Vấp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Hoàng